

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

1611

D71-111

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (13 - )/DA23DDA

CBGD: Trang Thiếu Hùng (MN11)

Hình thức đánh giá: Bắt buộc

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 01 / 2024

Phòng thi: D71-111

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV     | Ngày sinh | Phái       | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV  | Gh chú |
|-----|-----------|------------------|-----------|------------|--------|---------|----------|--------------|--------|---------------|--------|
| 1   | 115423001 | Dương Nguyễn Sơn | Ca        | 18/04/2004 | Nữ     | 8.3     | 4.5      | 6.4          | 001    | <u>D</u>      |        |
| 2   | 115423002 | Dương Kiều       | Diễm      | 19/08/2005 | Nữ     | 8.3     | 5.0      | 6.7          | 002    | <u>D</u>      |        |
| 3   | 115423003 | Nguyễn Thị Thúy  | Diễm      | 16/06/2005 | Nữ     | 8.3     | 4.8      | 6.6          | 003    | <u>Diễm</u>   |        |
| 4   | 115423004 | Phạm Ngọc        | Diễm      | 20/04/2005 | Nữ     | 8.5     | 4.8      | 6.7          | 004    | <u>Diễm</u>   |        |
| 5   | 115423006 | Lê Hoàng Cẩm     | Giang     | 22/11/2005 | Nữ     | 8.3     | 5.8      | 7.1          | 005    | <u>Giang</u>  |        |
| 6   | 115423008 | Nguyễn Đăng      | Huy       | 15/07/2005 | Nam    | 8.5     | 5.5      | 7.0          | 006    | <u>Huy</u>    |        |
| 7   | 115423009 | Nguyễn Thị Bích  | Huyền     | 20/04/2005 | Nữ     | 9.0     | 5.3      | 7.2          | 007    | <u>phuc</u>   |        |
| 8   | 115423010 | Neáng Phol       | La        | 10/07/2005 | Nữ     | 8.5     | 2.8      | 5.7          | 008    | <u>La</u>     |        |
| 9   | 115423013 | Nguyễn Thị Thúy  | Loan      | 25/08/2005 | Nữ     | -       | -        | -            | -      | -             | Vàng   |
| 10  | 115423014 | Huỳnh Công       | Lý        | 13/01/2005 | Nam    | 8.3     | 4.8      | 6.6          | 010    | <u>Ly</u>     |        |
| 11  | 115423015 | Bùi Hải          | Minh      | 26/01/2005 | Nam    | 8.0     | 7.0      | 7.5          | 011    | <u>Minh</u>   |        |
| 12  | 115423016 | Nguyễn Thị Trà   | My        | 24/07/2005 | Nữ     | 8.0     | 3.5      | 5.8          | 012    | <u>Trà</u>    |        |
| 13  | 115423017 | Phạm Tiểu        | My        | 02/12/2005 | Nữ     | 8.8     | 5.0      | 6.9          | 013    | <u>Phạm</u>   |        |
| 14  | 115423019 | Nguyễn Xuân      | Ngân      | 28/01/2005 | Nữ     | 8.0     | 5.0      | 6.5          | 014    | <u>Ngân</u>   |        |
| 15  | 115423020 | Đỗ Phương        | Nghi      | 30/07/2005 | Nữ     | 8.3     | 4.3      | 6.3          | 015    | <u>Phương</u> |        |
| 16  | 115423021 | Nguyễn Lý        | Nguyễn    | 03/06/2005 | Nam    | 8.5     | 3.3      | 5.9          | 016    | <u>Nguyễn</u> |        |
| 17  | 115423023 | Huỳnh Kiều       | Nhi       | 15/11/2005 | Nữ     | 8.8     | 6.5      | 7.7          | 017    | <u>Nhi</u>    |        |
| 18  | 115423025 | Nguyễn Tuyết     | Nhi       | 22/11/2005 | Nữ     | 8.5     | 4.0      | 6.3          | 018    | <u>Nhi</u>    |        |
| 19  | 115423026 | Đoàn Thị Huỳnh   | Như       | 19/08/2005 | Nữ     | 8.8     | 4.5      | 6.7          | 019    | <u>Huỳnh</u>  |        |
| 20  | 115423028 | Trang Vĩnh       | Phát      | 19/07/2005 | Nam    | 8.3     | 4.5      | 6.4          | 020    | <u>Phát</u>   |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19....

Tổng số tờ: 19....

Cán bộ coi thi 1: La Văn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: La Văn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: La Văn Cao

Nguyễn Thị Linh

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

16/11

ĐH. 112

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (13 - )/DA23DDA

CBGD: Trang Thiệu Hùng (MN11)

Hình thức đánh giá:.....T.T.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/11/2024

Phòng thi:.....ĐH. 112.....

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV          | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 115423029 | Trần Đình Phước       | 08/05/2005 | Nam  | 8.3    | 5.8     | 7.1      | 001          | ĐPH    |              |        |
| 2   | 115423030 | Trần Thị Thanh Phương | 24/05/2005 | Nữ   | 9.0    | 3.8     | 6.4      | 002          | Thy    |              |        |
| 3   | 115423031 | Võ Nguyễn Trúc Phương | 04/07/2005 | Nữ   | 8.8    | 4.8     | 6.8      | 003          | Thường |              |        |
| 4   | 115423034 | Lâm Thị Thanh Thảo    | 22/10/2005 | Nữ   | 8.3    | 6.0     | 7.2      | 004          | Thy    |              |        |
| 5   | 115423035 | Lâm Thanh Thảo        | 10/07/2005 | Nữ   | 8.3    | 4.8     | 6.6      | 005          | Thao   |              |        |
| 6   | 115423036 | Sơn Thị Kim Thảo      | 30/04/2005 | Nữ   | 8.3    | 3.0     | 5.7      | 006          | Thao   |              |        |
| 7   | 115423037 | Lý Minh Thông         | 26/04/2005 | Nam  | /      | /       | /        | /            | /      |              |        |
| 8   | 115423039 | Thạch Thị Thanh Thúy  | 08/02/2005 | Nữ   | 7.8    | 5.3     | 6.6      | 008          | Thuy   |              |        |
| 9   | 115423040 | Thạch Minh Thư        | 24/12/2005 | Nữ   | 8.3    | 3.5     | 6.9      | 009          | Thy    |              |        |
| 10  | 115423041 | Hồ Thị Hoài Thương    | 14/11/2005 | Nữ   | 8.5    | 5.3     | 6.9      | 010          | Thy    |              |        |
| 11  | 115423042 | Đặng Thùy Tiên        | 02/10/2005 | Nữ   | 8.3    | 5.3     | 6.8      | 011          | Thy    |              |        |
| 12  | 115423044 | Bùi Ngọc Bảo Trân     | 01/11/2005 | Nữ   | 8.5    | 5.8     | 7.2      | 012          | Thy    |              |        |
| 13  | 115423045 | Diệp Quế Trân         | 11/05/2005 | Nữ   | 8.8    | 5.0     | 6.9      | 013          | Thy    |              |        |
| 14  | 115423050 | Thạch Thị Cẩm Tú      | 06/03/2005 | Nữ   | 8.0    | 4.3     | 6.2      | 014          | Thy    |              |        |
| 15  | 115423052 | Lê Thị Kim Tuyền      | 12/11/2005 | Nữ   | 8.8    | 4.8     | 6.8      | 015          | Thy    |              |        |
| 16  | 115423053 | Lâm Thị Kiều Vy       | 31/07/2005 | Nữ   | 8.3    | 4.5     | 6.4      | 016          | Thy    |              |        |
| 17  | 115423091 | Nguyễn Minh Khan      | 16/09/2005 | Nam  | 8.8    | 4.0     | 6.4      | 017          | Khan   |              |        |
| 18  | 115423221 | Kim Thị Na Vy         | 12/05/2005 | Nữ   | 8.0    | 4.8     | 6.4      | 021          | Thy    |              |        |
| 19  | 115423222 | Kim Thị Thu Trang     | 10/12/2005 | Nữ   | 8.5    | 2.8     | 5.7      | 018          | Thy    |              |        |
| 20  | 115423223 | Long Yến Linh         | 01/06/2005 | Nữ   | 8.5    | 3.0     | 5.8      | 019          | Thy    |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Bình Khôi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Lê Lê

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (13 - )/DA23DDA

CBGD: Trang Thiếu Hùng (MN11)

Hình thức đánh giá: TT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 01 / 2024

Phòng thi: 071 / 112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV  | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT  | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký   | Đổi tượng SV | Gh chú    |
|-----|-----------|---------------|------------|------|--------|----------|----------|--------------|----------|--------------|-----------|
| 1   | 115423224 | Ngô Thùy Linh | 22/08/2003 | Nữ   | 8.0    | <u>/</u> | <u>/</u> | <u>/</u>     | <u>/</u> |              | <u>ly</u> |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 10

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Đỗ

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Diễm Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh



**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

16/1

1771-113

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (13 - )/DA23DDB

CBGD: Trang Thiều Hùng (MN11)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 01 / 2024

Phòng thi: D71-113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh | Phái       | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đổi tượng SV  | Gh chú |
|-----|-----------|-------------------|-----------|------------|--------|---------|----------|--------------|--------|---------------|--------|
| 1   | 115423057 | Nguyễn Thị Thúy   | Ái        | 30/01/2005 | Nữ     | 8,3     | 4,5      | 6,4          | 001    | <u>Thuy</u>   |        |
| 2   | 115423058 | Nguyễn Vĩnh       | An        | 29/05/2005 | Nam    | 7,8     | 4,3      | 6,1          | 002    | <u>An</u>     |        |
| 3   | 115423062 | Nguyễn Thị Vân    | Anh       | 20/10/2005 | Nữ     | 8,8     | 5,0      | 6,9          | 003    | <u>Anh</u>    |        |
| 4   | 115423063 | Võ Thúy           | Anh       | 22/05/2005 | Nữ     | 8,0     | 3,5      | 5,8          | 004    | <u>Thuy</u>   |        |
| 5   | 115423064 | Nguyễn Thị Ngọc   | Ánh       | 09/10/2005 | Nữ     | 8,5     | 3,5      | 6,0          | 005    | <u>Ngoc</u>   |        |
| 6   | 115423065 | Trần Hoàng        | Bắc       | 16/10/2005 | Nam    | 7,5     | 4,3      | 5,9          | 006    | <u>Tran</u>   |        |
| 7   | 115423066 | Trần Thanh        | Bình      | 24/05/2005 | Nam    | 8,5     | 5,0      | 6,8          | 007    | <u>Thanh</u>  |        |
| 8   | 115423067 | Lý Gia            | Bảo       | 10/03/2005 | Nam    |         |          |              |        |               |        |
| 9   | 115423070 | Nguyễn Trần Hoàng | Cúc       | 23/09/2005 | Nữ     | 8,0     | 4,0      | 6,0          | 009    | <u>Hoang</u>  |        |
| 10  | 115423076 | Thạch Thị Mỹ      | Duyên     | 02/01/2005 | Nữ     | 8,0     | 4,0      | 6,0          | 010    | <u>My</u>     |        |
| 11  | 115423078 | Thân Quốc         | Đại       | 03/10/2005 | Nam    | 7,0     | 5,0      | 6,0          | 011    | <u>Thân</u>   |        |
| 12  | 115423079 | Kim Thị Ngọc      | Hân       | 05/08/2005 | Nữ     | 8,3     | 5,0      | 6,7          | 012    | <u>Kim</u>    |        |
| 13  | 115423080 | Văn Thị Ngọc      | Hân       | 02/03/2005 | Nữ     | 8,3     | 5,0      | 6,7          | 013    | <u>Van</u>    |        |
| 14  | 115423081 | Trần Vũ           | Hiên      | 02/10/2005 | Nam    | 7,5     | 5,3      | 6,4          | 014    | <u>Tran</u>   |        |
| 15  | 115423085 | Lê Thị            | Hòa       | 31/08/2005 | Nữ     | 8,0     | 4,5      | 6,3          | 015    | <u>Le</u>     |        |
| 16  | 115423086 | Sơn Mỹ            | Hoàng     | 27/05/2005 | Nữ     | 8,0     | 4,3      | 6,2          | 016    | <u>Son</u>    |        |
| 17  | 115423088 | Huỳnh Thị Đặng    | Huyền     | 28/09/2005 | Nữ     | 8,8     | 4,8      | 6,8          | 017    | <u>Huyen</u>  |        |
| 18  | 115423089 | Huỳnh Thị Nhung   | Huyền     | 29/03/2005 | Nữ     | 8,0     | 3,8      | 5,9          | 018    | <u>Nhung</u>  |        |
| 19  | 115423093 | Nguyễn Văn        | Khánh     | 10/01/2005 | Nữ     | 8,0     | 4,3      | 6,2          | 020    | <u>Nguyen</u> |        |
| 20  | 115423094 | Lê Phan Nguyên    | Khôi      | 20/10/2005 | Nam    | 7,5     | 4,0      | 5,8          | 019    | <u>Le</u>     |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Trang Thiều Hùng

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trang Thiều Hùng

Cán bộ kiểm tra: Trang Thiều Hùng

Nguyễn Thị Lãnh

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (13 - )/DA23DDB

CBGD: Trang Thiếu Hùng (MN11)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/01/2024

Phòng thi: Đ71.114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký                | Đôi tượng SV | Gh chi |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|-----------------------|--------------|--------|
| 1   | 115423095 | Nguyễn Đăng Khôi     | 17/12/2005 | Nam  | 7.8    | 3.8     | 5.8      | 002          | <u>Khôi</u>           |              |        |
| 2   | 115423097 | Ngô Tuấn Kiệt        | 13/08/2005 | Nam  | 7.8    | 3.3     | 5.6      | 003          | <u>Tuấn Kiệt</u>      |              |        |
| 3   | 115423099 | Phạm Văn Đô          | 23/07/2005 | Nam  | 8.0    | 4.3     | 6.2      | 004          | <u>Đô</u>             |              |        |
| 4   | 115423100 | Nguyễn Thị Thu Lan   | 05/02/2005 | Nữ   | 8.3    | 4.8     | 6.6      | 005          | <u>Lan</u>            |              |        |
| 5   | 115423101 | Trần Thị Mỹ Lành     | 01/11/2005 | Nữ   | 8.8    | 5.0     | 6.9      | 006          | <u>mylanh</u>         |              |        |
| 6   | 115423107 | Kim Thị Xuân Mai     | 16/05/2005 | Nữ   | 7.8    | 5.3     | 6.6      | 007          | <u>Mai</u>            |              |        |
| 7   | 115423156 | Trương Trường Tân    | 24/08/2005 | Nam  | 7.8    | 4.5     | 6.2      | 008          | <u>Tân</u>            |              |        |
| 8   | 115423183 | Trần Thị Thùy Trang  | 18/08/2005 | Nữ   | 8.5    | 5.5     | 7.0      | 009          | <u>Trang</u>          |              |        |
| 9   | 115423191 | Kiên Thị Hoàng Trinh | 07/02/2005 | Nữ   | 8.3    | 4.8     | 6.6      | 010          | <u>Trinh</u>          |              |        |
| 10  | 115423216 | Nguyễn Thị Hồng Ý    | 08/11/2005 | Nữ   | 7.3    | 4.0     | 5.7      | 011          | <u>Ý</u>              |              |        |
| 11  | 115423227 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên  | 05/06/2005 | Nữ   | 8.5    | 4.5     | 6.5      | 012          | <u>Duyên</u>          |              |        |
| 12  | 115423228 | Nguyễn Thị Mỹ Tiên   | 06/02/2004 | Nữ   | 7.8    | 3.3     | 5.6      | 013          | <u>mytien</u>         |              |        |
| 13  | 115423229 | Nguyễn Thị Ngọc      | 22/12/2005 | Nữ   | 8.8    | 3.5     | 6.2      | 014          | <u>Ngọc</u>           |              |        |
| 14  | 115423231 | Phạm Hồng Ngọc       | 06/03/2005 | Nữ   | 8.5    | 4.0     | 6.3      | 015          | <u>Phạm Hồng Ngọc</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Kim Hân

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành